TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LÂM** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **26**/2022/HNGĐ- ST
Ngày : 11.5.2022
V/v tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Phan Thị Hà**
2. Bà **Lê Thị Sáu.**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Anh Vương**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm *tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Hà**- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 86/2022/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Hồ Văn T**, sinh năm 1981
Địa chỉ: Ấp TT, xã TH, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn:* Chị **Thân Thị H,** sinh năm 1983
Địa chỉ: Thôn 4, xã LA, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

Anh T có đơn yêu cầu vắng mặt, chị H có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/02/2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Hồ Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Thân Thị H chung sống với nhau từ cuối năm 2015, quen nhau qua người mai mối, thời gian tìm hiểu khoảng 01 tháng thì tiến tới hôn nhân, chung sống tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã LA, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 17/02/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng không có cuộc sống ổn định, anh T thường đi theo công trình xây dựng, còn chị H sinh sống làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thỉnh thoảng vợ chồng gặp nhau được vài ngày, vài tháng rồi mỗi người một nơi. Do cuộc sống chung vợ chồng không có, tình cảm vợ chồng không còn, sống không hạnh phúc nên anh T yêu cầu giải quyết ly hôn với chị H.

Về con chung: Quá trình chung sống anh T và chị H có 01 con chung là Hồ Văn L, sinh ngày 02/7/2016. Nay ly hôn anh T đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về T sản chung: Qúa trình chung sống anh T và chị H không có T chung và không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống anh T và chị H không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết

Tại bản tự khai ngày 16/3/2022 và biên bản lấy lời khai ngày 23/3/2022, bị đơn chị Thân Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H thừa nhận về thời gian chung sống, tìm hiểu, đăng ký kết hôn như anh T trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống với nhau thời gian không được bao lâu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Anh T thường xa nhà theo công trình, hay nhậu nhẹt không chăm lo cho gia đình. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, không hàn gắn được nên chị H đồng ý ly hôn với anh T

Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Hồ Văn L, sinh ngày 02/7/2016. Nay ly hôn chị H yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về T sản chung: Chị H và anh T không có T sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị H và anh T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 15/4/2022 nhưng nhưng không thành. Chị H có đơn yêu cầu không tiến hành hỏa giải nữa mà giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Kết thúc phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh T và chị H được ly hôn. Về con chung cần xem xét giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng đến khi đủ 18 tuổi. Về T sản chung, nợ chung không có nên không xem xét. Về án phí đề nghị giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn anh Hồ Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hồ Văn T và chị Thân Thị H chung sống với nhau từ cuối năm 2015, thời gian tìm hiểu khoảng 01 tháng thì tiến tới hôn nhân, chung sống tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã LA, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 17/02/2016. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình cần được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng không có cuộc sống ổn định, anh T thường đi theo công trình xây dựng, còn chị H sinh sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thỉnh thoảng vợ chồng gặp nhau được vài ngày, vài tháng rồi mỗi người một nơi. Do đời sống chung vợ chồng không lâu dài, tình cảm vợ chồng không gắn bó, từ đó phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Việc phát sinh mâu thuẫn cả anh T và chị H đều thừa nhận. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có hòa giải đoàn tụ nhưng anh T xin vắng mặt nên hòa giải không thành, cả hai yêu cầu giải quyết ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H đã trầm trọng, không thể tiếp tục kéo dài, sống không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên Hội đồng xét xử cần cần căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh T và chị H được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Căn cứ vào lời khai của anh T và chị H, bản sao giấy khai sinh thì thấy rằng quá trình chung sống hai người có 01 con chung là Hồ Văn L, sinh ngày 02/7/2016. Xét thỏa thuận của anh T và chị H về việc giao con chung cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và pháp luật vì công việc của anh T thường xuyên đi theo công trình xây dựng, con còn nhỏ, từ trước đến nay chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng con tốt. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, căn cứ vào các Điều 70, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung là Hồ Văn L, sinh ngày 02/7/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị H trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng đến khi con đủ 18 tuổi và anh T cũng đồng ý. Xét mức cấp dưỡng này phù hợp với pháp luật và thực tế các chi phí phát sinh nuôi con hiện tại ở địa phương nên cần xem xét chấp nhận.

Về T sản chung: Anh T và chị H thống nhất không có T sản chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về nợ chung: Anh T và chị H thống nhất trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc anh Hồ Văn T phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều các điều 70, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Văn T đối với chị Thân Thị H về việc *"Ly hôn"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hồ Văn T và chị Thân Thị H được ly hôn.

2. Về con chung: Buộc anh Hồ Văn T có trách nhiệm giao con chung là Hồ Văn L, sinh ngày 02/7/2016 cho chị Thân Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

3. Về án phí: Buộc anh Hồ Văn T phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh T đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0004370 ngày 23/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng, anh T còn phải nộp 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã LA, huyện B, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy